

ĐÓNG GÓP CỦA PHAN HUY CHÚ ĐỐI VỚI ĐỊA CHÍ DÂN TỘC

NGUYỄN VĂN CÀN

Tóm tắt

Phan Huy Chú sinh ra trong một gia đình có truyền thống văn hóa và khoa bảng. Ông là nhà văn hóa lớn, nhà bách khoa thư, nhà địa chí nổi tiếng. Đóng góp của ông trong lĩnh vực địa chí dân tộc thể hiện rõ trong hai công trình tiêu biểu là Lịch triều hiến chương loại chí và Hoàng Việt địa dư chí. Ông phát triển và hoàn thiện nội dung và phương pháp biên soạn sách địa chí mang tính quốc chí ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XIX. Phan Huy Chú là một tấm gương sáng về tinh thần say mê học tập, bền bỉ nghiên cứu khoa học, đáng để cho các nhà nghiên cứu ngày nay noi theo.

Phan Huy Chú (1782-1840), sinh tại làng Thụy Khuê (còn gọi là làng Thầy) huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là Thụy Khuê, Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội) trong một gia đình có truyền thống văn hóa và khoa bảng. Ông nội là tiến sỹ Phan Huy Cận làm quan cấp cao trong triều đình Lê-Trịnh. Thân phụ là tiến sỹ Phan Huy Ích, giữ nhiều chức vụ quan trọng dưới thời Tây Sơn. Thân mẫu là bà Ngô Thị Thục, em gái Ngô Thị Nhậm, người được vua Quang Trung giao cho nhiều trọng trách. Như vậy, cả gia đình bên nội và bên ngoại của Phan Huy Chú với hai dòng họ tiêu biểu ở nước ta là Phan Huy và Ngô Thị, có nhiều đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam.

Vốn thông minh, sớm có chí tìm tòi, đào sâu suy nghĩ khi học tập, lại được sự dạy dỗ của gia đình, nên từ thời niên thiếu, ông đã học giỏi nổi tiếng cả vùng Sơn Tây. Do tiếp cận nguồn sách vở mệnh mông bao đời mà gia đình lưu trữ, lại nhờ trí tuệ thiên bẩm, ông thâm tóm được tinh hoa của mọi sách vở, nắm được đầy đủ các đầu mối điển chương. Dù đã đọc thiên kinh vạn quyển, tài năng uyên bác siêu phàm, nhưng hai lần đi thi ông chỉ đỗ Tú tài. Vỡ thế người dân trong vùng thường gọi là Kép Thầy - Người làng Thầy hai lần đỗ Tú tài (3).

Dẫu không đứng trong làng đại khoa, nhưng thực tài của ông vẫn được khắp nơi biết đến, đến mức năm 1821, vua Minh Mạng cho triệu vào triều làm chức Hàn lâm biên tu, rồi Lang trung Bộ Lại, Tư vụ Bộ Công. Năm 1825 ông được cử đi sứ

nhà Thanh, rồi sau đó, năm 1828 thăng chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên và năm 1829 làm Hiệp trấn xứ Quảng Nam.

Phan Huy Chú đã có một công hiến rất lớn trong bảo tồn và phát huy di sản văn hoá dân tộc. Ông là nhà văn hóa lớn, nhà bách khoa thư, nhà địa chí nổi tiếng. Ông đã để lại một công trình đồ sộ là bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*, viết trong thời gian từ 1809 đến 1819 nghĩa là từ lúc ông 27 tuổi đến 37 tuổi mới xong. Ngoài ra còn có các công trình khác như: *Hoàng Việt địa dư chí*, *Mai phong du tây thành giả lục*, *Hoa thiều ngâm lục* (tập thơ đi sứ Tàu), *Hải trình chí lược*, *lịch đại điển yếu thông luận*, *Dương trình ký kiến* (2). Sự đóng góp của ông trong lĩnh vực địa chí dân tộc thể hiện rõ nhất trong hai bộ sách *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Hoàng Việt địa dư chí*. Thông qua hai công trình này, Phan Huy Chú đã góp phần phát triển và hoàn thiện nội dung và phương pháp biên soạn sách địa chí mang tính quốc chí ở nước ta vào đầu thế kỷ XIX.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* chia ra làm 10 chí tức là viết về 10 bộ môn với sự phân loại, nghiên cứu một cách rất hệ thống theo thứ tự:

Dư địa chí được ghi chép về sự thay đổi bờ cõi Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, từ khi dựng nước đến đầu triều Nguyễn, sự thay đổi về phong thổ của các địa phương.

Nhân vật chí đề cập đến vua chúa, những tướng lĩnh danh tiếng, những người có công lao xây dựng các triều đại, những trí thức có đức nghiệp.

Quan chức chí khái quát việc đặt quan chức các đời, chế độ bổ dụng quan lại, chế độ ban cấp bổng lộc.

Lễ nghi chí ghi chép về chế độ áo mũ, xe kiệu của vua chúa, phẩm phục, võng kiệu của quan lại, lễ thờ cúng, tang ma, lễ sắc phong, tế cáo.

Khoa mục chí ghi chép về phép thi qua các đời, thể lệ các kỳ thi.

Quốc dụng chí nói về việc làm sổ hộ khẩu, phép thu thuế, đánh thuế, tiền tệ, chế độ ruộng đất.

Hình luật chí nghiên cứu về định luật lệ các đời, luật các loại.

Binh chế chí nói về việc đặt các ngạch quân, phép tuyển mộ quân lính, chế độ lương bổng, quân trang quân dụng, phép thi võ.

Văn tịch chí khảo cứu về tình hình thu tịch, sách vở các đời.

Bang giao chí chép việc bang giao của các đời, nghi lễ tiếp đón sứ thần các nước.

Riêng *Dư địa chí* được chia thành hai phần: Phần đầu nghiên cứu về bờ cõi của đất nước qua các thời kỳ lịch sử từ khi dựng nước đến đầu nhà Nguyễn.

Trong phần này tác giả đã nêu rõ lý do biên soạn *Dư địa chí*: Cửa bấu của một nước, không gì quý bằng đất đai; nhân dân và của cải đều do đất mà sinh ra. Nước Việt ta, từ thời Hùng Vương dựng nước, chia địa giới, đặt kinh đô, núi sông nước Nam đã có giới hạn ở sách trời. Nhưng tên đất nhân cũ đổi mới trước sau có khác nhau, phong khí mỗi ngày mở mang, xưa nay có biến đổi, mà sử ghi chép về địa dư không có bằng chứng hoặc còn thiếu sót, thì người muốn xem rộng, biết kê cứu vào đâu để đính chính được. Nên mới lấy ở các sách cũ, tham khảo thêm các truyện, đầu tiên chép về bờ cõi, chia biệt ra các thừa tuyên: nói về sự khác nhau về bờ cõi qua các đời (1).

Phần hai của *Dư địa chí* ghi chép về phong thổ các tỉnh: Thanh Hoa,

Nghệ An, Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, An Bang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thuận Hoá, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận, Gia Định, Định Viễn, Hà Tiên.

Về từng tỉnh, Phan Huy Chú điều tra tỷ mỉ sự biến đổi địa danh của các tỉnh qua các thời kỳ lịch sử, vị trí giới hạn địa lý, tổng số các phủ, huyện, tên các ngọn núi con sông tiêu biểu, các di tích danh lam thắng cảnh nổi tiếng. ềng còn sưu tầm các bài thơ vịnh của các tác giả về các thắng cảnh đó, các nhân vật tiêu biểu. Công trình này khảo cứu kỹ về các vùng đất của nước Đại Việt đến thừa tuyên Quảng Nam thế kỷ XV đời vua Lê Thánh Tông, còn từ Nam Trung Bộ trở vào thì ghi chép sơ lược hơn. Đó là một nguồn tài liệu quý, tóm tắt những kiến thức địa lý học của các đời trước.

Chẳng hạn, về Thanh Hoa có mạch núi cao vót; sông lớn lượn quanh, biển ở phía đông, Ai Lao sát phía tây, bắc giáp trấn Sơn Nam, nam giáp đạo Nghệ An. Núi sông rất đẹp, là một chỗ có đất có cảnh đẹp ở nơi xung yếu. Các triều trước vẫn gọi là một trấn rất quan trọng. Đến Lê lại là nơi căn bản. Về non sông tốt tươi chung đúc nên sinh ra nhiều bậc vương tướng, khí tinh hoa tụ hợp lại, nảy ra nhiều văn nho, đến những sản vật quý, cũng khác mọi nơi. Bởi vì đất thiêng thì người giỏi nên nảy ra những bậc phi thường (1). Và cũng là những bậc phi thường như

Hồ Quý Ly và Lê Lợi vào thế kỷ XV đều chống giặc Minh, có người lại thất bại, có người lại thành công, theo sách này một phần do chọn đất khởi nghiệp:

Hồ Quý Ly dời kinh đô đến động An Tôn, huyện Vĩnh Phúc (Vĩnh Lộc ngày nay) gọi là Tây Đô, đắp thành đào hào, nền móng bền vững. Bên tả bên hữu thành, gần sát núi đá, sông Mã, sông Lương họp lại chảy về phía trước. Triều thần khi ấy là Nguyễn Nhữ Thuyết cho rằng chỗ đất ấy ở về cuối nước đầu núi, can Quý Ly không nên đóng đô ở đây, nhưng Quý Ly không nghe. Rồi sau hai cha con họ Hồ bị quân Minh bắt được, thành ấy phải bỏ.

Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở đất Lam Sơn, huyện Lương Giang chặn giữ được chỗ hiểm yếu, làm nơi gây dựng cơ đồ nhà Lê. Khi xưa tổ bốn đời của Lê Thái Tổ, nhà ở thôn Như Áng, một hôm đến chơi Lam Sơn, trông thấy đàn chim bay liệng quanh đây, cho là chỗ đất tốt, liền dời đến ở. Từ đây mở rộng đất, dựng cơ nghiệp, làm người hào trưởng một phương. Truyền đến ba đời, sinh Thái Tổ ở làng Kim Sơn, huyện Lôi Dương. Đến khi Thái Tổ lớn lên, kết nạp những người hào kiệt, khởi nghĩa ở Lam Sơn, không đầy 10 năm mà dẹp yên được cả nước, dựng nên Tây Kinh.

Tác giả còn ghi lại những cổ tích tiêu biểu tại Thanh Hoa như truyện An Tiêm và động Từ Thức. Bãi An Tiêm ở huyện Nga Sơn, tương truyền đời Hùng Vương, có bè trôi tên là Mai An Tiêm, lúc còn nhỏ làm nô cho nhà vua. Lớn lên được dùng vào chức việc, dần dần trở nên hào phú. Vì có nhiều người dèm pha, nhà vua đuổi ra cửa biển. An Tiêm tới chỗ bị đày, nơi ấy vắng lặng không có bóng người, chỉ có chim thường đến tụ tập kêu hót. Một hôm có con chim từ phương tây bay lại, ngậm hạt dưa, đánh rơi xuống. An Tiêm nhặt đem trồng ở bãi biển. Dưa sinh sản càng nhiều, ăn có vị ngọt. Nhân thế gọi là “tây qua”. Những người buôn bán đi lại mua đổi. An Tiêm thành ra giàu to. Vua nghe thấy thế cho gọi về. Đổi tên bãi ấy gọi là bãi Huyền Tiêm. Truyện này chép rõ ở *Lĩnh nam chích quái*. Động Từ Thức ở bãi biển huyện Nga Sơn, lại có tên là động Bích Đào là nơi Từ Thức gặp tiên là nàng Giáng hương ở đây. Sự tích chép ở *Truyện kỳ mạn lục*...

Qua cách bố cục trình tự và lời bàn của mỗi chí, thấy rõ quan điểm của Phan Huy Chú là đối với một quốc gia, *vấn đề lớn nhất là đất nước và con người. Đất nước là cương vực núi sông, đất đai, phong thổ, tài nguyên; còn con người, như ông viết: nước lấy người làm gốc* (1).

Từ cả 10 chí cho thấy ngọn bút của ông thể hiện một tấm lòng yêu nước thiết tha và ý thức dân tộc sâu sắc. Ông đã trình bày toàn bộ lịch sử đấu tranh dựng nước

và giữ nước thật thần diệu và góp phần sáng tạo nên nền văn hiến hàng ngàn năm giàu bản sắc.

Với cấu tạo thành 10 chí như thế, nội dung của sách thật rộng lớn, bao trùm nhiều lĩnh vực. *Lịch triều hiến chương loại chí* là một bộ văn hiến đồ sộ, một pho bách khoa toàn thư của đất nước. Giá trị của bộ sách này trước hết là giá trị khoa học, tư liệu không những phong phú, được phân loại mang tính hệ thống cao, mà còn chính xác nữa. Ở Việt Nam, Nguyễn Trãi là người đặt nền móng cho việc biên soạn sách địa chí trong *Dư địa chí* (TK.XV), được Lê Quý Đôn phát triển qua *Phủ biên tạp lục* (TK.XVIII) và càng hoàn thiện hơn nhờ đóng góp của Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Hoàng Việt địa dư chí*. Rõ ràng là ông đã đưa trình độ khoa học địa chí nước ta đầu thế kỷ XIX phát triển lên một bước và là người đặt nền tảng cho những ngành khoa học sau này. Ông đã có công nghiên cứu, san định và lưu lại cho ngày nay kho tàng văn hóa dân tộc, khẳng định nước ta là một quốc gia “thanh danh, văn hóa và nhân tài thịnh vượng không kém gì Trung Hoa”.

Bộ sách cho thấy kiến thức mênh mông sâu thẳm của tác giả, nó giúp người đọc hiểu thấu các đời. Phan Huy Chú là một nhà văn hóa có ý thức dân tộc rõ ràng, có quan điểm tiến bộ và một bộ óc bách khoa về nhiều lĩnh vực. Ông đã tổng kết lịch sử văn hóa nước Việt từ hàng nghìn năm trước cho đến thời của mình, nửa đầu thế kỷ XIX. Đồng thời ghi chép, khảo cứu tỷ mỉ địa lý, lịch sử, văn hóa các địa phương. Chỉ một bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng đủ khẳng định Phan Huy Chú là nhà văn hoá lớn, nhà địa chí nổi tiếng của dân tộc.

Khi làm chức Hàn Lâm biên tu, ông dâng sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho vua Minh Mạng, được vua thưởng 30 lạng bạc, một chiếc áo sa, 30 ngòi bút và 30 thoi mực. Sang thế kỷ XX, GP.Muraseva, nhà nghiên cứu lịch sử người đã đánh giá rằng: *Lịch triều hiến chương loại chí* xứng đáng được gọi là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống Việt Nam (5).

Ngoài bộ sách nổi tiếng trên, cũng về đề tài địa chí còn kể đến *Hoàng Việt địa dư chí* của Phan Huy Chú. Về phương diện thời gian, sách này là cuốn thứ hai của tác giả viết về địa dư dưới thời Nhà Nguyễn. *Hoàng Việt địa dư chí* được chép theo lối cổ, tức là chép theo từng đơn vị hành chính. Trong từng vùng thì mô tả về núi sông, danh thắng cổ tích, sản vật, nhân vật, phong tục nghề nghiệp...Cuốn sách được viết bằng lối văn ngắn gọn, giản dị, tinh thoả có trích dẫn những bài thơ hay, những chiếu dụ quan trọng của nhà vua, hay những chuyện cũ về các sự tích làm cho nội dung thêm phong phú và hấp dẫn. Khi bàn về sách này, Trần văn Giáp cho rằng: “Thực ra, sách *Hoàng Việt địa dư chí* này mà thông thường gọi là *Địa dư*

chỉ thời Minh Mạng, chỉ là bản tóm tắt phần *Dur địa chí* của Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*” (4). Dù đại thể giống nhau, nhưng cách sắp xếp bố cục của hai bộ sách có khác nhau:

- *Dur địa chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi chép bắt đầu từ Thanh Hoa-Nghệ An và cuối cùng là các tỉnh trong Nam Bộ như Định Viễn, Hà Tiên.

- *Hoàng Việt địa dư chí* thì ghi chép bắt đầu từ Thuận Hóa-Quảng Nam và cuối cùng là Thanh Hoa-Nghệ An (tức là lấy Thuận Hóa làm trung tâm, kinh đô mới của chế độ phong kiến Việt Nam).

Hoàng Việt địa dư chí là một bộ sách có giá trị không những về mặt địa dư mà còn có giá trị về mặt văn học và sử học. Qua sách này, người đời sau có thể hình dung ra hệ thống tổ chức hành chính, về núi sông thắng tích, nghề nghiệp tập quán, và đặc biệt là về cương vực Việt Nam thời Minh Mạng, một thời cực thịnh của triều Nguyễn. Bộ sách góp phần bảo tồn, tái hiện, giới thiệu các di sản quý báu của dân tộc và có thể phục vụ cho việc viết địa phương chí hiện nay.

Tìm hiểu về sự đóng góp của Phan Huy Chú đối với địa chí, văn hóa dân tộc, chúng ta thấy có thể rút ra những điểm chung, rất cần thiết cho các nhà nghiên cứu hiện nay là:

- Phải có lòng yêu nước, yêu lịch sử dân tộc một cách nồng nàn, biết quý trọng đối với những sự nghiệp mà tiền nhân để lại, quý trọng từ thanh danh văn hóa, giang sơn đất nước đến những yếu tố văn hóa nhỏ nhất trong phong tục tập quán, lễ nghi đạo đức của con người Việt Nam. Sự trân trọng và yêu quý đối với văn hóa dân tộc là một động cơ để cho chúng ta nghiên cứu, sưu tầm.

- Phải có vốn học vấn rộng, ham học hỏi, hiểu biết, học trong những thư tịch cổ, trong cuộc sống. Sự học là chiếc cầu nối để chúng ta đến với văn hóa dân tộc. Học giả Phan Huy Chú đã dành cả cuộc đời để học tập, học thật thông minh, trong so sánh, đối chiếu với các nền văn hóa tiếp cận với văn hóa Việt Nam (Trung Quốc, Nam Dương).

- Phải coi trọng phương pháp nghiên cứu khoa học như phương pháp sưu tầm, phương pháp phân loại, phương pháp trình bày... Khoa học càng tiến bộ thì phương pháp càng được nâng cao. Những phương pháp này là công cụ hữu hiệu để Phan Huy Chú điều tra, sưu tầm, thu thập tư liệu, phân loại thành nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khoa học khác nhau. Dù làm với phương pháp nào thì tinh thần của người nghiên cứu là phải giữ được tính khách quan khoa học, phải thật cụ thể chi

tiết và cẩn trọng. Chính những điều này đã làm cho công trình khoa học của tác giả thật sự có giá trị.

- Phải có một cách làm việc thật sự khoa học, đừng để đời sống thường nhật (đôi với Phan Huy Chú là đời sống quan trường) ảnh hưởng đến thời giờ, lòng say mê nghiên cứu. Muốn được một tác phẩm có giá trị, cần học rộng biết nhiều, có phương pháp nghiên cứu đúng đắn và phải dành thời gian cho công tác nghiên cứu. Trong 10 năm (1809-1819) Phan Huy Chú đã miệt mài nghiên cứu và để lại cho dân tộc bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*. Đây là một trong những công trình vô giá về bảo tồn văn hóa, về địa chí dân tộc của thế kỷ XIX, rất đáng tự hào và trân trọng.

170 năm đã trôi qua từ khi Phan Huy Chú qua đời. Ông vẫn luôn là một tấm gương sáng về tinh thần bền bỉ học tập, nghiên cứu, là một trí tuệ, một tài năng kiệt xuất, đã cống hiến cho lịch sử văn hóa và khoa học dân tộc Việt Nam một khoa tàng sự nghiệp tri thức to lớn. Ông xứng đáng được xếp vào số không nhiều các nhà khoa học lớn của nước ta thời trước. Tên tuổi và sự nghiệp Phan Huy Chú sống mãi với lịch sử văn hóa, khoa học Việt Nam.

N.V.C

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 1: Dư địa chí, Nhân vật chí. Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Sử học, Hà Nội, 1960.

2. *Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc-vai trò của nghiên cứu và giáo dục*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1999.

3. www.anninhthudo.

4. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Tập 1, Thư viện quốc gia Hà Nội xuất bản, 1970.

5. Tạ Ngọc Liễn, *Sổ tay văn hóa tổng hợp 1987-1990*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1991.